

# **Chương 6: Phụ thuộc hàm và các dạng chuẩn**

**Thời lượng: 9 tiết**

**Giảng viên: ThS. Thái Bảo Trân**

# Nội dung

- **Phụ thuộc hàm**
  - Hệ luật dẫn Amstrong
  - Bao đóng
  - Khóa
  - Thuật toán tìm khóa
- **Các dạng chuẩn**
  - Dạng chuẩn 1
  - Dạng chuẩn 2
  - Dạng chuẩn 3
  - Dạng chuẩn Boyce Codd

# 1. Phụ thuộc hàm (PTH)

- PTH (Functional dependencies) là một loại RBTV rất quan trọng để phát hiện các thiết kế CSDL tốt.
- Có thể biểu diễn RBTV bằng PTH
- PTH biểu diễn mối liên hệ giữa các thuộc tính trong cùng một quan hệ.

# 1. Phụ thuộc hàm

- $X, Y$  là hai tập thuộc tính trên quan hệ  $R$
- $r_1, r_2$  là 2 bộ bất kỳ trên  $R$
- Ta nói  $X$  xác định  $Y$ , ký hiệu  $X \rightarrow Y$ , nếu và chỉ nếu  
$$r_1[X] = r_2[X] \text{ thì } r_1[Y] = r_2[Y]$$
- $X \rightarrow Y$  là một phụ thuộc hàm, hay  $Y$  phụ thuộc  $X$ .
- $X$  là vế trái của phụ thuộc hàm,  $Y$  là vế phải của phụ thuộc hàm.
- Ví dụ:

Cho quan hệ sinh viên như sau:

**SINHVIEN(Tên, Môn học, Số ĐT, Chuyên Ngành, Giảng Viên, Điểm)**

# 1. Phụ thuộc hàm

Tên	Môn học	SốĐT	Chuyên Ngành	Giảng Viên	Điểm
Huy	CSDL	0913157875	HTTT	Hưng	5
Hoàng	CSDL	0913154521	HTTT	Hưng	10
Huy	AV	0913157875	HTTT	Thủy	5
Hải	Toán SXTK	0166397547	MạngMT	Lan	10
Tính	HQTCSDL	012145475	CNPM	Trân	7
Tính	LậpTrình	012145475	CNPM	Việt	8
Hoàng	LậpTrình	0913154521	HTTT	Việt	10

**Tên SốĐT Chuyên Ngành?**

**Tên Môn học Điểm?**

**Môn học Giảng Viên?**

# 1. Phụ thuộc hàm

**Một số tính chất sau:**

Với mỗi **Tên** có duy nhất một **SốĐT** và **ChuyênNgành**

Với mỗi **Tên, Môn học** có duy nhất một **Điểm**

Với mỗi **Môn học** có duy nhất một **Giảng Viên**

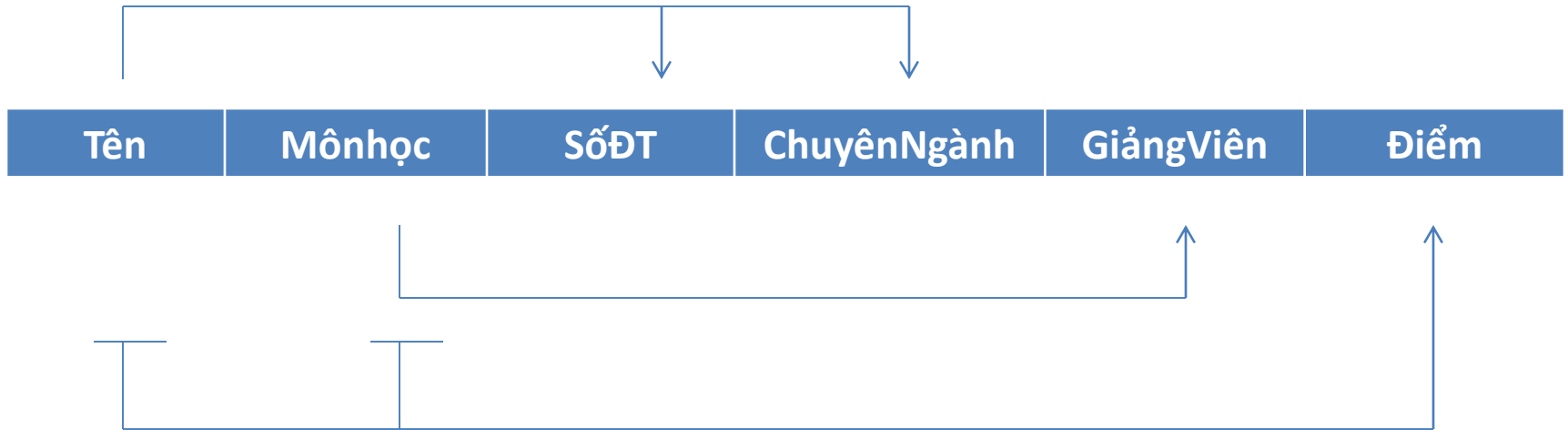
**Ký hiệu:**

$\{\text{Tên}\} \rightarrow \{\text{SốĐT}, \text{ChuyênNgành}\}$

$\{\text{Tên}, \text{Môn học}\} \rightarrow \{\text{Điểm}\}$

$\{\text{Môn học}\} \rightarrow \{\text{Giảng Viên}\}$

# 1. Phụ thuộc hàm



Các phụ thuộc hàm kéo theo:

$\{Tên\} \rightarrow \{ChuyênNgành\}$   
 $\{Môn học, Điểm\} \rightarrow \{Giảng Viên, Điểm\}$

## 2. Hệ luật dẫn Amstrong

Gọi  $F$  là tập các phụ thuộc hàm.

**Định nghĩa:**  $X \rightarrow Y$  được suy ra từ  $F$ , hay  $F$  suy ra  $X \rightarrow Y$ ,  
Ký hiệu:  $F \models X \rightarrow Y$  nếu bất kỳ bộ của quan hệ thỏa  $F$  thì cũng thỏa  $X \rightarrow Y$

### Hệ luật dẫn Amstrong:

Với  $X, Y, Z, W \subseteq U$ . Phụ thuộc hàm có các tính chất sau:

**F1) Tính phản xạ:** Nếu  $Y \subseteq X$  thì  $X \rightarrow Y$

**F2) Tính tăng trưởng:**  $\{X \rightarrow Y\} \models XZ \rightarrow YZ$

**F3) Tính bắc cầu:**  $\{X \rightarrow Y, Y \rightarrow Z\} \models X \rightarrow Z$



## 2. Hệ luật dẫn Amstrong

Từ hệ luật dẫn Amstrong ta suy ra một số tính chất sau:

**F4) Tính kết hợp:**  $\{X \rightarrow Y, X \rightarrow Z\} \models X \rightarrow YZ$

**F5) Tính phân rã:**  $\{X \rightarrow YZ, X \rightarrow Y\} \models X \rightarrow Z$

**F6) Tính tựa bắc cầu:**  $\{X \rightarrow Y, YZ \rightarrow W\} \models XZ \rightarrow W$

**Ví dụ:**  $F = \{A \rightarrow B, A \rightarrow C, BC \rightarrow D\}$ , chứng minh  $A \rightarrow D$ ?

- 1)  $A \rightarrow B$
- 2)  $A \rightarrow C$
- 3)  $A \rightarrow BC$  (tính kết hợp F4)
- 4)  $BC \rightarrow D$
- 5)  $A \rightarrow D$  (tính bắc cầu F3)

# 3. Bao đóng

- **Bao đóng của tập phụ thuộc hàm**

Bao đóng của tập phụ thuộc hàm  $F$ , ký hiệu  $F^+$  là tập tất cả các phụ thuộc hàm được suy ra từ  $F$ .

Nếu  $F = F^+$  thì  $F$  là họ đầy đủ của các phụ thuộc hàm.

- **Thuật toán tìm bao đóng của tập thuộc tính**

Bao đóng của tập thuộc tính  $X$  đối với tập phụ thuộc hàm  $F$ , ký hiệu là  $X^+_F$  là tập tất cả các thuộc tính  $Y$  có thể suy dẫn từ  $X$  nhờ tập bao đóng của các phụ thuộc hàm  $F^+$

$$X^+_F = \{ Y \in Q^+ \mid X \rightarrow Y \in F^+ \}$$

# 3. Bao đóng

- ◆ Ký hiệu  $X_F^+$
- ◆ Định nghĩa

$$X_F^+ = \{ Y \mid X \rightarrow Y \text{ được suy dẫn từ } F \}$$

Là tập hợp những VP của các PTH có VT là  $X$  nằm trong  $F$

$X_F^+$  dùng để xem  $f$  có được suy dẫn từ  $F$  hay không?

- ◆ Ta thấy

$$X \subseteq X_F^+$$

$$X \subseteq R^+$$

### 3. Thuật toán tìm bao đóng của tập thuộc tính

B1.  $X_F^+ = X$

B2. **Lặp** {  
Tìm các PTH trong F  
có VT là các thuộc tính nằm trong  $X_F^+$   
có VP không nằm trong  $X_F^+$

**Nếu** (có  $f : U \rightarrow V$  thuộc F) và  $(U \subseteq X_F^+)$

**Thì**  $X_F^+ = X_F^+ \cup V$

**}** cho đến khi  $(X_F^+ = R^+)$  hoặc

(không còn thay đổi được nữa)

### 3. Thuật toán tìm bao đóng của tập thuộc tính

#### Ví dụ

- ◆  $R(A, B, C, D, E, F)$
- ◆  $F = \{ AB \rightarrow C, BC \rightarrow AD, D \rightarrow E, CF \rightarrow B \}$
- ◆ Tìm  $AB^+_F$
- ◆  $AB^+_F = AB$
- ◆  $AB \rightarrow C$ : ABC
- ◆  $BC \rightarrow AD$ : ABCD
- ◆  $D \rightarrow E$ : ABCDE
- ◆ Ngừng

$$AB^+_F = \{A, B, C, D, E\}$$

### 3. Thuật toán tìm bao đóng của tập thuộc tính

#### **Ví dụ:**

Cho lược đồ quan hệ  $R(A, B, C, D, E, G, H)$  và tập phụ thuộc hàm

$F = \{ f1: B \rightarrow A, f2: DA \rightarrow CE, f3: D \rightarrow H, f4: GH \rightarrow C, f5: AC \rightarrow D \}$

Tìm  $AC^+_F$  ?

### 3. Bao đóng

**Bước 1:**  $AC^+_F = AC$

**Bước 2:** Từ f1 đến f4 không thỏa, f5 thỏa nên  $AC^+_F = AC \cup D = ACD$

**Lặp lại bước 2:**

f1 không thỏa,

f2 thỏa nên  $AC^+_F = ACD \cup CE = ACDE$

f3 thỏa nên  $AC^+_F = ACDE \cup H = ACDEH$

f4 không thỏa, f5 đã thỏa

**Lặp lại bước 2:** f2, f3 và f5 đã thỏa, f1 và f4 không thỏa. Nên  $AC^+_F = ACDEH$

Vậy  $AC^+_F = ACDEH$

### 3. Bao đóng

#### Bài toán thành viên

Cho tập thuộc tính Q, tập phụ thuộc hàm F trên Q và một phụ thuộc hàm  $X \rightarrow Y$  trên Q. Câu hỏi đặt ra rằng  $X \rightarrow Y \in F^+$  hay không?

$$X \rightarrow Y \in F^+ \Leftrightarrow Y \subseteq X^+$$

#### Ví dụ:

Từ ví dụ tìm bao đóng của tập thuộc tính AC. Cho biết  $AC \rightarrow E$  có thuộc  $F^+$  ?

Ta có  $AC_F^+ = ACDEH$

Vì  $E \in AC_F^+$  nên  $AC \rightarrow E \in F^+$



### 3. Thuật toán tìm bao đóng của tập thuộc tính

- ◆  $R(A, B, C, D, E, F)$
- ◆  $F = \{ AB \rightarrow C, BC \rightarrow AD, D \rightarrow E, CF \rightarrow B \}$
- ◆ Kiểm tra PTH  $AB \rightarrow D$  có suy dẫn từ  $F$  không?
- ◆  $AB^+_F = \{A, B, C, D, E\}$
- ◆ Có  $D$  trong bao đóng
- ◆ Kết luận  $AB \rightarrow D$  suy dẫn từ  $F$

### 3. Thuật toán tìm bao đóng của tập thuộc tính

- ◆  $R(A, B, C, D, E, F)$
- ◆  $F = \{ AB \rightarrow C, BC \rightarrow AD, D \rightarrow E, CF \rightarrow B \}$
- ◆ Kiểm tra PTH  $D \rightarrow A$  có suy dẫn từ  $F$  không?
- ◆  $D^+_F = \{D, E\}$
- ◆ Không có  $A$  trong bao đóng
- ◆ Kết luận  $D \rightarrow A$  không suy dẫn từ  $F$

## 4. KHÓA CỦA LƯỢC ĐỒ QUAN HỆ (Key)

- **Định Nghĩa:** Cho lược đồ quan hệ  $Q(A_1, A_2, \dots, A_n)$ 
  - $Q^+$  là tập thuộc tính của  $Q$ .
  - $F$  là tập phụ thuộc hàm trên  $Q$ .
  - $K$  là tập con của  $Q^+$

***K là một khóa của Q nếu:***

- $K^+ = Q^+$
- Không tồn tại  $K' \subset K$  sao cho  $K'^+ = Q^+$

## 4. KHÓA CỦA LƯỢC ĐỒ QUAN HỆ (Key)

- Tập thuộc tính ***S*** được gọi là ***siêu khóa*** nếu  $S \supseteq K$
- Thuộc tính ***A*** được gọi là ***thuộc tính khóa*** nếu  $A \in K$  với  $K$  là khóa bất kỳ của  $Q$ . Ngược lại  $A$  được gọi là ***thuộc tính không khóa***.
- Một lược đồ quan hệ có thể có nhiều khóa và tập thuộc tính không khóa cũng có thể bằng rỗng.

## 4. KHÓA CỦA LƯỢC ĐỒ QUAN HỆ (Key)

- Thuật toán tìm **một khóa** của một lược đồ quan hệ  $Q$ 
  - *Bước 1*: gán  $K = Q^+$
  - *Bước 2*:  $A$  là một thuộc tính của  $K$ ,  
Đặt  $K' = K - A$ . Nếu  $K'^+ = Q^+$  thì gán  $K = K'$   
thực hiện lại bước 2
    - Nếu muốn tìm các khóa khác (nếu có) của lược đồ quan hệ, ta có thể thay đổi thứ tự loại bỏ các phần tử của  $K$ .

## 4. KHÓA CỦA LƯỢC ĐỒ QUAN HỆ (Key)

- **Ví dụ:** Cho lược đồ quan hệ Q và tập phụ thuộc hàm F như sau:

–  $Q(A,B,C,D,E)$

–  $F=\{AB \rightarrow C, AC \rightarrow B, BC \rightarrow DE\}$  . Tìm 1 khóa K

B1:  $K=Q^+ \Rightarrow K=ABCDE$

B2:  $(K \setminus A)^+ \Rightarrow (BCDE)^+ = BCDE \neq Q^+ \Rightarrow K=ABCDE$

B3:  $(K \setminus B)^+ \Rightarrow (ACDE)^+ = ABCDE = Q^+ \Rightarrow K=ACDE$

B4:  $(K \setminus C)^+ \Rightarrow (ADE)^+ = ADE \neq Q^+ \Rightarrow K=ACDE$

B5:  $(K \setminus D)^+ \Rightarrow (ACE)^+ = ACEBD = Q^+ \Rightarrow K=ACE$

B6:  $(K \setminus E)^+ \Rightarrow (AC)^+ = ACBDE = Q^+ \Rightarrow K=AC$

## 4. KHÓA CỦA LƯỢC ĐỒ QUAN HỆ (Key)

**Ví dụ:**

Cho  $R(U)$  với  $U = \{A, B, C, D, E, G, H, I\}$

$F = \{ AC \rightarrow B, \quad BI \rightarrow ACD, \quad ABC \rightarrow D, \quad H \rightarrow I, \quad ACE \rightarrow BCG, \quad CG \rightarrow AE \}$

Tìm 1 Khóa  $K$  ?

**Giải:**

**Bước 1:** Gán  $K = U = \{A, B, C, D, E, G, H, I\}$

**Bước 2:** Lần lượt loại bớt các thuộc tính của  $K$  (bài tập)

Đáp án:  **$K = \{C, G, H\}$**

## 4. KHÓA CỦA LƯỢC ĐỒ QUAN HỆ (Key)

**Từ thuật toán tìm khóa ta có các nhận xét sau:**

- Các thuộc tính không xuất hiện trong cả vế trái lẫn vế phải của F phải có trong khóa.
- Các thuộc tính chỉ xuất hiện trong vế trái của tất cả các PTH trong F cũng phải có mặt trong Khóa.
- Trong quá trình tìm khóa ta có thể bỏ bớt tất cả các thuộc tính đơn nằm bên phải của các PTH của F. Tuy nhiên cần kiểm tra lại vì không phải lúc nào cũng có thể bỏ được các thuộc tính đó.



## 4. KHÓA CỦA LƯỢC ĐỒ QUAN HỆ (Key)

- ❖ Thuật toán tìm **tất cả khóa** của lược đồ quan hệ:
- **Bước 1:** Xác định tất cả các tập con khác rỗng của  $Q^+ = \{X_1, X_2, \dots, X_{2^n-1}\}$
  - **Bước 2:** Tìm bao đóng của các  $X_i$
  - **Bước 3:** Siêu khóa là các  $X_i$  có  $X_i^+ = Q^+$ 
    - Giả sử ta đã có các siêu khóa là:  
 $S = \{S_1, S_2, \dots, S_m\}$
  - **Bước 4:** Xét mọi  $S_i, S_j$  con của  $S$  ( $i \neq j$ ), nếu  $S_i \subset S_j$  thì loại  $S_j$  ( $i, j=1..n$ ), kết quả còn lại của  $S$  chính là tập tất cả các khóa cần tìm.

## 4. KHÓA CỦA LƯỢC ĐỒ QUAN HỆ (Key)

- Ví dụ:** Tìm tất cả các khóa của lược đồ quan hệ và tập phụ thuộc hàm như sau:

$$Q(C, S, Z); F = \{f_1: CS \rightarrow Z; f_2: Z \rightarrow C\}$$

$X_i$	$X_i^+$	Super key	Key
C	C		
S	S		
CS	CSZ	CS	CS
Z	ZC		
CZ	CZ		
SZ	SZC	SZ	SZ
CSZ	CSZ	CSZ	

**Answer** {C, S} và {S, Z}

## 4. KHÓA CỦA LƯỢC ĐỒ QUAN HỆ (Key)

- Thuật toán (cải tiến) tìm **tất cả khóa** của một lược đồ quan hệ
  - **Bước 1:** Tạo tập thuộc tính nguồn **TN**, tập thuộc tính trung gian **TG**
  - **Bước 2:**
    - Nếu **TG** =  $\emptyset$  thì lược đồ quan hệ chỉ có một khóa  $K = \mathbf{TN}$  kết thúc.
    - Nếu  $(\mathbf{TN})^+ = \mathbf{Q}^+$  thì lược đồ quan hệ chỉ có một khóa  $K = \mathbf{TN}$  kết thúc.
  - Ngược lại Qua bước 3 .
  - **Bước 3:** Tìm tất cả các tập con  $X_i$  của tập trung gian **TG**

## 4. KHÓA CỦA LƯỢC ĐỒ QUAN HỆ (Key)

- **Bước 4:** Tìm các siêu khóa  $S_i$  bằng cách  $\forall X_i$ 
  - if  $(TN \cup X_i)^+ = Q^+$  then
  - $S_i = TN \cup X_i$
- **Bước 5:** Tìm khóa bằng cách loại bỏ các siêu khóa không tối thiểu
  - $\forall S_i, S_j \in S$
  - if  $S_i \subset S_j$  then Loại  $S_j$  ra khỏi Tập siêu khóa  $S$
  - $S$  còn lại chính là tập khóa cần tìm.

## 4. KHÓA CỦA LƯỢC ĐỒ QUAN HỆ (Key)

- ❖ Sử dụng đồ thị PTH để tìm **TN & TG**.
- ❖ Đồ thị phụ thuộc hàm là một đồ thị vô hướng:
  - Một tập nút tượng trưng cho tập PTH, ký hiệu O với tên PTH ở giữa hoặc bên cạnh.
  - Một tập nút tượng trưng cho các thuộc tính, ký hiệu ● với tên thuộc tính bên cạnh.
  - Một tập cung có hướng nối một nút PTH (thuộc tính) đến một nút thuộc tính (PTH).
  - Một cung xuất phát từ nút thuộc tính A đến một nút PTH f, cùng với một cung từ nút PTH f đến nút thuộc tính B, biểu diễn cho PTH  $A \rightarrow B$

## 4. KHÓA CỦA LƯỚI ĐỒ QUAN HỆ (Key)

- ❖ Thuộc tính nguồn:

- ❖ A là một thuộc tính nguồn nếu  $\neg \exists f: X \rightarrow Y \in F \mid A \in Y$
- ❖ Trên đồ thị PTH, thuộc tính nguồn không có cung vào
- ❖ Nhận xét: mọi thuộc tính nguồn phải xuất hiện trong mọi khóa của Q

- ❖ Thuộc tính đích:

- ❖ B là một thuộc tính đích nếu  $\neg \exists f: X \rightarrow Y \in F \mid B \in X$
- ❖ Trên đồ thị PTH, thuộc tính đích chỉ có cung vào, không có cung ra.
- ❖ Nhận xét: thuộc tính đích không xuất hiện trong bất kỳ khóa nào của Q

- ❖ Thuộc tính trung gian: là các thuộc tính không phải là thuộc tính nguồn và đích.

## 4. KHÓA CỦA LƯỢC ĐỒ QUAN HỆ (Key)

**Ví dụ:** Cho lược đồ quan hệ  $R(A, B, C, D, E, G, H)$  và tập phụ thuộc hàm

$$F = \{ B \rightarrow A, DA \rightarrow CE, D \rightarrow H, GH \rightarrow C, AC \rightarrow D \}$$

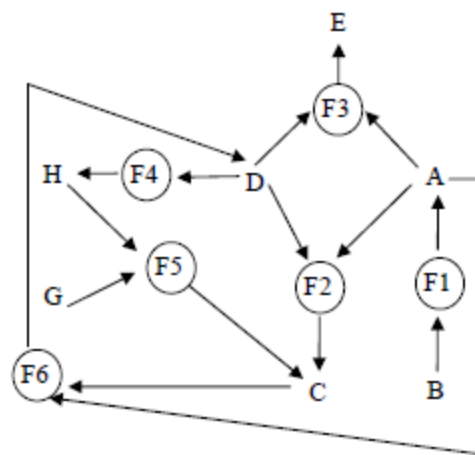
Tìm **TN** và **TG** của  $R$ ?

Phân rã về phải ta có  $F = \{ B \rightarrow A, DA \rightarrow C, DA \rightarrow E, D \rightarrow H, GH \rightarrow C, AC \rightarrow D \}$

$$\text{TN} = \{B, G\}$$

$$\text{TĐ} = \{E\}$$

$$\text{TG} = \{A, C, D, H\}$$



## 4. KHÓA CỦA LƯỢC ĐỒ QUAN HỆ (Key)

**Ví dụ:** Cho lược đồ quan hệ  $Q(CSZ)$  và tập phụ thuộc hàm  $F=\{CS \rightarrow Z; Z \rightarrow C\}$ . Áp dụng thuật toán cải tiến:

- **TN** = {S}; **TG** = {C,Z}
- Gọi  $X_i$  là các tập con của tập **TG**:

$X_i$	$(TN \cup X_i)$	$(TN \cup X_i)^+$	Siêu khóa	khóa
$\phi$	S	S		
C	SC	$Q^+$	SC	SC
Z	SZ	$Q^+$	SZ	SZ
CZ	SCZ	$Q^+$	SCZ	



# 5. Các dạng chuẩn

## Dạng chuẩn 1 (1NF)

- ***Lược đồ Q ở dạng chuẩn 1 nếu mọi thuộc tính đều mang giá trị nguyên tố.***
- Giá trị nguyên tố là giá trị không phân nhỏ được nữa.
- Các thuộc tính đa trị (multi-valued), thuộc tính đa hợp(composite) không là nguyên tố.
- **Ví dụ:**  
Thuộc tính ĐịaChỉ : Số 175 Đường 3/2 Phường 10 Quận 5 không là nguyên tố.  
ĐịaChỉ → (SốNhà, Đường, Phường, Quận)

## 5. Các dạng chuẩn

**Ví dụ:** HOADON(MaHD, MaKH, NgayHD, CtietMua, SoTien)

MaHD	MaKH	NgayHD	CtietMua			SoTien
			Tên hàng	Số lượng	ĐVT	
HD01	KH01	15-10-05	Bánh Orion	1	Gói	25.000
			Kẹo mút	2	Cây	2.000
HD02	KH01	18-10-05	Gạo	2	Kg	30.000
HD03	KH02	24-10-05	Đường	1	Kg	15.000
			Bánh AFC	2	Gói	24.000

CtietMua không là nguyên tố nên không thỏa dạng chuẩn 1

## 5. Dạng chuẩn 2 (2NF)

- **Lược đồ Q ở dạng chuẩn 2 nếu thoả:**
  - (1) Q đạt dạng chuẩn 1
  - (2) Mọi thuộc tính không khóa của Q đều **phụ thuộc đầy đủ** vào khóa.
- **Kiểm tra dạng chuẩn 2**
  - Bước 1:** Tìm mọi khóa của Q
  - Bước 2:** Với mỗi khóa K, tìm bao đóng của tập tất cả các tập con thực sự  $S_i$  của K
  - Bước 3:** Nếu tồn tại bao đóng  $S_i^+$  chứa thuộc tính không khóa thì Q không đạt dạng chuẩn 2, ngược lại Q đạt dạng chuẩn 2.

## 5. Dạng chuẩn 2 (2NF)

### ◆ PTH đầy đủ

Xét  $X \rightarrow Y$

Nếu  $\neg X' \subset X$  sao cho

$$F \equiv F - \{X \rightarrow Y\} \cup \{X' \rightarrow Y\}$$

Thì  $Y$  phụ thuộc đầy đủ vào  $X$

*$Y$  phụ thuộc hàm vào  $X$  và  
không phụ thuộc hàm vào tập con nào của  $X$*

## 5. Dạng chuẩn 2 (2NF)

### Ví dụ:

Cho Q1 (A, B, C, D),  $F=\{A \rightarrow B, B \rightarrow DC\}$

Lược đồ chỉ có một khóa là A, nên mọi thuộc tính đều phụ thuộc đầy đủ vào khóa. Do vậy Q1 đạt dạng chuẩn 2.

### Ví dụ:

Cho Q2 (A, B, C, D),  $F=\{AB \rightarrow D, C \rightarrow D\}$

Lược đồ có khóa là ABC, ngoài ra còn có  $C \subset ABC$  mà  $C \rightarrow D$ , trong đó D là thuộc tính không khóa (nghĩa là thuộc tính D không phụ thuộc đầy đủ vào khóa). Do vậy Q2 không đạt dạng chuẩn 2.

## 5. Dạng chuẩn 2 (2NF)

### Ví dụ:

- Cho lược đồ quan hệ  $R(ABCD)$  và tập phụ thuộc hàm  $F=\{AB \rightarrow CD, B \rightarrow D, C \rightarrow A\}$   
Xác định dạng chuẩn của lược đồ.

### Giải:

- Khóa là  $\{AB\}$  và  $\{BC\}$
- Thuộc tính không khóa  $D$
- Nhưng  $A, B \rightarrow D$  không phải là phụ thuộc hàm đầy đủ vì có  $B \rightarrow D$
- Vậy  $R$  đạt dạng chuẩn 1 (1NF)

## 5. Dạng chuẩn 2 (2NF)

### Ví dụ

- Xác định dạng chuẩn của lược đồ sau:  
R(GMVNHP) và tập phụ thuộc hàm  
 $F = \{G \rightarrow N, G \rightarrow H, G \rightarrow P, M \rightarrow V, NHP \rightarrow M\}$

### Giải:

- Khóa của R là {G}
- Thuộc tính không khóa : MVNHP
- Do các phụ thuộc hàm  $G \rightarrow N, G \rightarrow H, G \rightarrow P, M \rightarrow V$ , nên lược đồ R đạt dạng chuẩn 2.

## 5. Dạng chuẩn 2 (2NF)

### Ví dụ

- Cho lược đồ  $R(ABCD)$ , và các phụ thuộc hàm  $F=\{AB\rightarrow C; BC\rightarrow D; C\rightarrow A\}$ , xác định dạng chuẩn của lược đồ.

### Giải:

- Khóa của quan hệ  $AB, BC$ . Thuộc tính không khóa  $D$
- Vì  $B\rightarrow D$ , nên  $D$  không thỏa điều kiện dạng chuẩn 2.
- Vậy  $R$  đạt dạng chuẩn 1 (1NF)



# 5. Dạng chuẩn 3 (3NF)

- Lược đồ Q ở dạng chuẩn 3 nếu mọi phụ thuộc hàm  $X \rightarrow A \in F^+$ , với  $A \notin X$  đều có:

(1) X là siêu khóa, hoặc

(2) A là thuộc tính khóa

**Hay mọi thuộc tính không khóa của Q không phụ thuộc bắc cầu vào khóa chính của Q**

- Kiểm tra dạng chuẩn 3

**Bước 1:** Tìm mọi khóa của Q

**Bước 2:** Phân rã vế phải của mọi phụ thuộc hàm trong F để tập F trở thành tập phụ thuộc hàm có vế phải một thuộc tính

**Bước 3:** Nếu mọi phụ thuộc hàm  $X \rightarrow A \in F$ , mà  $A \notin X$  đều thỏa

(1) X là siêu khóa (vế trái chứa một khóa), hoặc

(2) A là thuộc tính khóa (vế phải là tập con của khóa)

thì Q đạt dạng chuẩn 3, ngược lại Q không đạt dạng chuẩn 3.

## 5. Dạng chuẩn 3 (3NF)

**Ví dụ:**

Cho  $Q(A, B, C, D)$ ,  $F = \{AB \rightarrow D, C \rightarrow D\}$

**Bước 1:**  $Q$  có một khóa là  $ABC$

**Bước 2:** Mọi phụ thuộc hàm trong  $F$  đều đã có vế phải một thuộc tính.

**Bước 3:** Với  $AB \rightarrow D$ , nhận thấy rằng  $D \notin AB$  có

- Vế trái ( $AB$ ) không phải là siêu khóa.
- Hơn nữa vế phải ( $D$ ) không là thuộc tính khóa

Vậy  $Q$  không đạt dạng chuẩn 3.

## 5. Dạng chuẩn 3 (3NF)

### Ví dụ:

Cho lược đồ quan hệ sau:  $R(ABC)$ . Và tập phụ thuộc hàm:  $F = \{A \rightarrow B, A \rightarrow C, B \rightarrow C\}$ . Xác định dạng chuẩn cho lược đồ.

### Giải:

- Khóa là  $\{A\}$
- Thuộc tính không khóa  $\{BC\}$
- PTH bắc cầu:  $A \rightarrow B, B \rightarrow C$
- Thuộc tính không khóa  $C$  phụ thuộc bắc cầu vào thuộc tính khóa, do đó quan  $R$  không đạt dạng chuẩn 3

## 5. Dạng chuẩn 3 (3NF)

### Ví dụ

Cho lược đồ quan hệ sau:  $R(ABCD)$ . Và tập phụ thuộc hàm:  $F = \{AB \rightarrow C, D \rightarrow B, C \rightarrow ABD\}$ .

Xác định dạng chuẩn cho lược đồ

### Giải:

- Khóa là  $\{AB\}$  và  $\{C\}$
- Thuộc tính không khóa  $\{D\}$
- Các phụ thuộc hàm  $AB \rightarrow C, D \rightarrow B, C \rightarrow ABD$  đều không vi phạm quy tắc của dạng chuẩn 3.
- Nên  $R$  đạt dạng chuẩn 3

## 5. Dạng chuẩn Boyce Codd (BCNF)

Lược đồ Q ở dạng chuẩn BC nếu mọi phụ thuộc hàm  $X \rightarrow A \in F^+$ , với  $A \notin X$  đều có X là siêu khóa.

*Nhắc lại:*

**Siêu khóa** : là một tập con các thuộc tính của  $Q^+$  mà giá trị của chúng có thể phân biệt 2 bộ khác nhau trong cùng một thể hiện  $T_Q$  bất kỳ.

Nghĩa là:

$\forall t_1, t_2 \in T_Q, t_1[K] \neq t_2[K] \Leftrightarrow K$  là siêu khóa của Q.

# 5. Dạng chuẩn Boyce Codd (BCNF)

**Kiểm tra dạng chuẩn BCNF**

**Bước 1:** Tìm mọi khóa của Q

**Bước 2:** Phân rã vế phải của mọi phụ thuộc hàm trong F để tập F trở thành tập phụ thuộc hàm có vế phải một thuộc tính

**Bước 3:** Nếu mọi phụ thuộc hàm  $X \rightarrow A \in F$ , mà  $A \notin X$  đều thỏa X là siêu khóa (vế trái chứa một khóa), thì Q đạt dạng chuẩn BCNF, ngược lại Q không đạt dạng chuẩn BCNF.

## 5. Dạng chuẩn Boyce Codd (BCNF)

### Ví dụ:

- Xét lược đồ quan hệ  $R(ABCD)$  và tập phụ thuộc hàm:  $F=\{AB\rightarrow C, C\rightarrow ABD\}$

### Giải:

- Thuộc tính khóa  $\{A,B\}, \{C\}$
- Các thuộc tính  $X$  có bao đóng khác  $R$  (không phải khóa):  $\{A\}, \{B\}, \{D\}, \{AD\}, \{BD\}$
- Trong các phụ thuộc hàm trên không có phụ thuộc hàm nào vi phạm.
- Vậy quan hệ trên thuộc dạng chuẩn BCNF.

# REVIEW

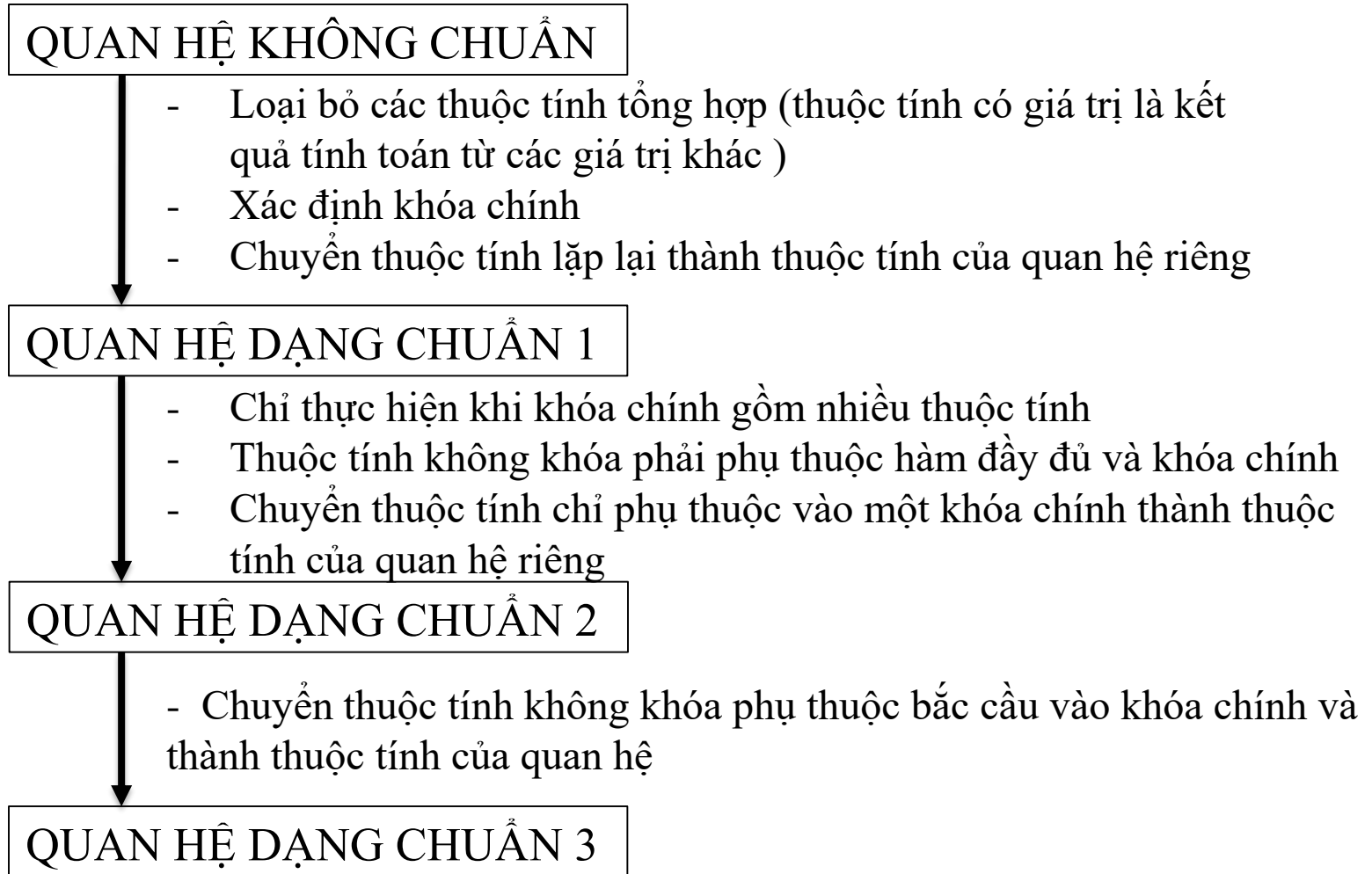
Ta có các dạng chuẩn hóa dữ liệu cơ bản sau :

- **1NF (first normal form - dạng chuẩn 1):** không chứa các thuộc tính đa trị, hay các ô của bảng không chứa nhiều hơn 1 giá trị.
- **2NF (second normal form - dạng chuẩn 2):** là dạng chuẩn 1 và các thuộc tính không phải khóa thì nó phải phụ thuộc đầy đủ vào khóa chính.
- **3NF (third normal form - dạng chuẩn 3):** là dạng chuẩn 2 và không có sự phụ thuộc hàm bắc cầu.
- **Boyce-codd (BCNF):** là dạng chuẩn 3 và các phụ thuộc hàm đều có vế trái là siêu khóa.

Thông thường, trong 1 cơ sở dữ liệu quan hệ người ta chỉ cần xét yêu cầu chuẩn hóa đến dạng chuẩn 3.



## Để chuẩn hóa mô hình quan hệ ta thực hiện theo các bước sau:



# Thuật toán kiểm tra dạng chuẩn của một lược đồ quan hệ

Vì các lớp dạng chuẩn của một lược đồ quan hệ có quan hệ lồng nhau ( lớp trước nằm trọn trong lớp sau ) nên ta có thuật toán kiểm tra dạng chuẩn của Q sau :

Bước 1: Tìm tất cả các khóa của Q

Bước 2: Kiểm tra xem có đạt chuẩn BC không. Nếu đúng kết thúc thuật toán, Ngược lại chuyển sang bước 3

Bước 3: Kiểm tra xem có đạt chuẩn 3 ko?. Nếu đúng kết thúc thuật toán. Ngược lại, chuyển sang bước 4.

Bước 4: Kiểm tra xem có đạt chuẩn 2 không. Nếu đúng kết thúc thuật toán, Ngược lại đạt chuẩn 1.

**Kết luận  
chuẩn của Q**